TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2024
Về việc ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Tính

Bà Lê Thị Quyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 307/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Hồng B, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2017 ông và bà Nguyễn Hồng B tự nguyện chung sống với nhau đến tháng 3 năm 2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống có 01 con chung nhưng gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự tôn trọng, quan tâm, nhường nhịn nhau nên thường xuyên cự cải, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Hồng B.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 22/10/2017 hiện sống với ông. Khi ly hôn ông yêu cầu nuôi con, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Hồng B đúng theo quy định pháp luật nhưng bà B không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Văn L yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Hồng B tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông L, bà B theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Hồng B làm đám cưới chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2017 đến năm 2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau theo quy định nên quan hệ hôn nhân của ông L và bà B là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Ông L yêu cầu ly hôn với bà B vì ông L xác định vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự tôn trọng, quan tâm, nhường nhịn nhau nên thường xuyên cự cải, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà B để tham gia giải quyết vụ án nhưng bà B không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông L và cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của ông L và bà B không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông L ly hôn với bà B.

[3] Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Hồng B có một con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 22/10/2017. Xét thấy, con chung Nguyễn Kim N hiện do ông L đang nuôi dưỡng. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà B để tham gia giải quyết vụ án nhưng bà B không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của ông L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung khi cha mẹ ly hôn Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Kim N cho ông L nuôi dưỡng. Bà B không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L xác định không có tài sản chung, không có nợ chung. Bà B không có ý kiến gì đối với việc ông L xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn L. Ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Hồng B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 22/10/2017 cho ông Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Hồng B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006644 ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông L, bà B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mộng Chi